

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập đề án Chất lượng cao học kỳ I năm học 2017-2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-ĐHQG ngày 24 tháng 02 năm 2017 của ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 08 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao hệ đại học chính quy;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-ĐHKTL ngày 30 tháng 05 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban điều hành và Ban thư ký thuộc đề án Chất lượng cao với học phí tương ứng Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 271 sinh viên thuộc Chương trình Chất lượng cao với học phí tương ứng các khóa được cấp học bổng khuyến khích học tập HK1(17-18) theo nội dung đề án Chất lượng cao (Danh sách và mức học bổng kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng Đào tạo, phòng Kế hoạch – Tài chính, phòng Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách đính kèm theo điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, BDA CLC.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC: 2017-2018
(Theo Quyết định số. 12.83...ngày. 29. Tháng 10. năm 2018)

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
1	K144050691	Lưu Thị Hồng	Nhung	K14402C	30/11/1996	16	8.94	93.00	Giỏi	15,500,000
2	K144020170	Phạm Nguyễn Phi	Hùng	K14402C	24/04/1996	15	8.9	88.00	Giỏi	7,750,000
3	K144020202	Lâm Thị Hà	My	K14402C	02/03/1996	15	8.2	80.00	Giỏi	3,875,000
4	K144010092	Phạm Hữu Lưu	Thùy	K14402C	19/07/1996	15	8	85.00	Giỏi	3,875,000
5	K144020148	Phù Mẫn	Đạt	K14402C	27/12/1996	15	8	83.00	Giỏi	3,875,000
6	K144020279	Phạm Thị Thu	Thảo	K14402C	11/05/1996	15	8	81.00	Giỏi	3,875,000
7	K144040518	Trần Ngọc Quỳnh	Mai	K14404C	11/04/1996	14	9.14	87.00	Xuất sắc	7,750,000
8	K144040524	Hoàng Hải	Ngân	K14404C	15/01/1996	14	9.14	87.00	Xuất sắc	7,750,000
9	K144081146	Phạm Phương	Uyên	K14408C	17/07/1996	15	8.5	86.00	Giỏi	15,500,000
10	K144070944	Trần Bảo	Ngọc	K14408C	14/01/1996	15	8.4	81.00	Giỏi	7,750,000
11	K144030389	Trần Thị Kim	Oanh	K14408C	05/11/1995	15	8.4	70.00	Giỏi	7,750,000
12	K144081069	Nguyễn Thị Thanh	Giang	K14408C	22/03/1996	15	8.3	81.00	Giỏi	7,750,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
13	K144071022	Phạm Hoàng Diệp	Trình	K14408C	15/08/1996	15	8.2	95.00	Giỏi	3,875,000
14	K144070924	Phan Thị Yến	My	K14408C	26/02/1996	15	8.2	85.00	Giỏi	3,875,000
15	K144070989	Nguyễn Thị Xuân	Thắm	K14408C	06/11/1996	15	8.1	83.00	Giỏi	3,875,000
16	K144101307	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	K14408C	23/04/1996	15	8.1	81.00	Giỏi	3,875,000
17	K144030344	Lê Thị Trà	Giang	K14408C	17/10/1996	15	8	93.00	Giỏi	3,875,000
18	K144081091	Trần Yến	Linh	K14408C	27/07/1996	15	8	86.00	Giỏi	3,875,000
19	K145011506	Nguyễn Đăng	Huy	K14408C	27/02/1996	15	8	81.00	Giỏi	3,875,000
20	K144091169	Nguyễn Hữu	Cường	K14409C	22/01/1996	13	8.65	92.00	Giỏi	15,500,000
21	K144091280	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	K14409C	02/08/1996	13	8.65	85.00	Giỏi	7,750,000
22	K144091262	Nguyễn Châu	Thuận	K14409C	06/01/1996	13	8.54	85.00	Giỏi	3,875,000
23	K144091265	Lưu Hoàng Anh	Thư	K14409C	12/06/1996	13	8.42	85.00	Giỏi	3,875,000
24	K145021665	Vũ Thị Ngọc	Huyền	K14502C	05/08/1996	15	8.7	86.00	Giỏi	15,500,000
25	K144010030	Hà Ngọc	Hoàng	K14502C	07/09/1996	15	8.5	93.00	Giỏi	7,750,000
26	K145021740	Trần Khánh	Toàn	K14502C	01/12/1996	15	8.5	93.00	Giỏi	3,875,000
27	K145011494	Trần Thị Minh	Hiếu	K14502C	24/08/1996	15	8.5	92.00	Giỏi	3,875,000
28	K145021701	Phạm Thị Kiều	Oanh	K14502C	16/10/1996	15	8.3	93.00	Giỏi	3,875,000
29	K145021681	Huỳnh Trịnh Ly	Ly	K14502C	16/07/1996	15	8.3	86.00	Giỏi	3,875,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
30	K154020215	Bùi Bảo	Trân	K15402C	16/04/1997	15	9	89.00	Xuất sắc	14,000,000
31	K154020219	Trần Anh Minh	Uyên	K15402C	05/12/1997	15	8.7	86.00	Giỏi	7,000,000
32	K154020208	Phạm Ngô Minh	Thái	K15402C	19/10/1997	24	8.63	85.00	Giỏi	7,000,000
33	K154020192	Mai	Linh	K15402C	08/11/1997	15	8.6	93.00	Giỏi	7,000,000
34	K154020199	Trần Thị Yến	Nhi	K15402C	08/09/1997	15	8.6	93.00	Giỏi	7,000,000
35	K154020214	Huỳnh Thị	Trang	K15402C	23/03/1997	15	8.4	85.00	Giỏi	3,500,000
36	K154020204	Lê Thị Mỹ	Quỳnh	K15402C	26/02/1997	15	8.4	100.00	Giỏi	3,500,000
37	K154040428	Phạm Thị Minh	Huyền	K15404C	14/04/1997	18	8.17	98.00	Giỏi	14,000,000
38	K154040449	Võ Trần	Trí	K15404C	18/09/1997	15	7.9	88.00	Khá	7,000,000
39	K154040434	Trần Anh Bảo	Ngọc	K15404C	22/03/1997	15	7.7	85.00	Khá	7,000,000
40	K154040440	Ung Ngọc	Quyên	K15404C	09/09/1997	15	7.7	85.00	Khá	7,000,000
41	K154040443	Lương Thanh	Thảo	K15404C	08/09/1997	15	7.6	81.00	Khá	7,000,000
42	K154040451	Phú Thị Thanh	Trúc	K15404C	01/09/1997	15	7.5	98.00	Khá	3,500,000
43	K154040448	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	K15404C	20/12/1997	15	7.5	93.00	Khá	3,500,000
44	K154070722	Huỳnh	Phát	K15407C	30/12/1997	14	8.11	80.00	Giỏi	14,000,000
45	K154070720	Lê Kiều	Oanh	K15407C	20/12/1997	14	8.07	98.00	Giỏi	7,000,000
46	K154070736	Ngô Hoàng	Viễn	K15407C	01/01/1997	14	8.07	98.00	Giỏi	7,000,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
47	K154070709	Trần Thu	Hương	K15407C	11/03/1997	17	8.06	87.00	Giỏi	7,000,000
48	K154070707	Dương Minh	Hùng	K15407C	31/12/1997	17	7.88	95.00	Khá	3,500,000
49	K154070711	Nguyễn Thị Hồng	Linh	K15407C	28/12/1997	17	7.88	86.00	Khá	3,500,000
50	K154070706	Lê Thị Ngọc	Hiền	K15407C	22/05/1997	14	7.86	85.00	Khá	3,500,000
51	K154080824	Nguyễn Trúc	Anh	K15408C	10/08/1997	15	9	86.00	Xuất sắc	14,000,000
52	K154080826	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	K15408C	24/10/1997	15	8.9	85.00	Giỏi	7,000,000
53	K154080844	Phan Thị Như	Thảo	K15408C	25/11/1997	15	8.6	94.00	Giỏi	7,000,000
54	K154080855	Trương Lê Ngọc	Trinh	K15408C	23/07/1997	15	8.6	83.00	Giỏi	7,000,000
55	K154080860	Nguyễn Thị Trúc	Vy	K15408C	03/05/1997	18	8.42	91.00	Giỏi	3,500,000
56	K154050520	Hoàng Thị Minh	Trang	K15408C	22/06/1997	15	8.4	83.00	Giỏi	3,500,000
57	K154080848	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	K15408C	31/10/1997	15	8.1	84.00	Giỏi	3,500,000
58	K154080859	Nguyễn Thị	Vân	K15408C	01/11/1997	18	8.08	80.00	Giỏi	3,500,000
59	K154090952	Đinh Lê Minh	Hiếu	K15409C	16/10/1997	17	9.12	85.00	Xuất sắc	14,000,000
60	K154090942	Vũ Thị	Diệp	K15409C	08/02/1997	17	9.03	93.00	Xuất sắc	7,000,000
61	K154090964	Lê Nhược	Quân	K15409C	01/02/1997	17	8.68	87.00	Giỏi	7,000,000
62	K154090951	Đoàn Gia	Hân	K15409C	21/09/1997	17	8.47	93.00	Giỏi	7,000,000
63	K154090961	Lương Thị Thanh	Nhã	K15409C	29/01/1997	17	8.47	87.00	Giỏi	3,500,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
64	K154090960	Phạm Như	Ngọc	K15409C	08/03/1997	17	8.44	86.00	Giỏi	3,500,000
65	K154090941	Dzoãn Khoa	Danh	K15409C	03/05/1997	17	8.35	85.00	Giỏi	3,500,000
66	K154090944	Lê Kim	Duyên	K15409C	20/09/1997	17	8.29	91.00	Giỏi	3,500,000
67	K155021330	Huỳnh Minh	Tâm	K15502C	24/05/1997	17	8.44	90.00	Giỏi	14,000,000
68	K155021322	Nguyễn Thị Thanh	Loan	K15502C	27/01/1997	17	8.41	91.00	Giỏi	7,000,000
69	K155021344	Phan Thị Thùy	Vân	K15502C	31/05/1997	17	8.32	87.00	Giỏi	7,000,000
70	K155021310	Phan Vũ Thị Khánh	Chi	K15502C	03/01/1997	20	8.2	71.00	Giỏi	7,000,000
71	K155021317	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	K15502C	17/05/1997	17	8.18	91.00	Giỏi	3,500,000
72	K155021313	Hồ Thị Hồng	Hạnh	K15502C	27/02/1997	17	8.18	82.00	Giỏi	3,500,000
73	K155021332	Dương Thị Phương	Thảo	K15502C	03/06/1997	17	8.12	93.00	Giỏi	3,500,000
74	K155021336	Lê Thị Thủy	Tiên	K15502C	13/04/1997	17	8.12	91.00	Giỏi	3,500,000
75	K164020318	Mạc Bùi Thiên	Thảo	K16402C	24/09/1998	20	8.78	93.00	Giỏi	12,500,000
76	K164020309	Nguyễn Thị Mai	Phương	K16402C	22/11/1998	17	8.71	87.00	Giỏi	6,250,000
77	K164020301	Võ Thị Thu	Ngân	K16402C	06/06/1998	17	8.35	87.00	Giỏi	6,250,000
78	K164020335	Nguyễn Thị Mỹ	Tuyền	K16402C	19/06/1998	20	8.33	93.00	Giỏi	6,250,000
79	K164020303	Thiều Gia	Nguyên	K16402C	05/10/1998	20	8.33	80.00	Giỏi	6,250,000
80	K164020291	Nguyễn Thu	Hương	K16402C	04/11/1998	20	8.28	83.00	Giỏi	6,250,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
81	K164020294	Huỳnh Thị Thúy	Loan	K16402C	23/12/1998	20	8.18	100.00	Giỏi	3,125,000
82	K164020298	Nguyễn Thị Thiên	Nga	K16402C	13/07/1998	23	8.17	88.00	Giỏi	3,125,000
83	K164030418	Nguyễn Kiều	Oanh	K16403C	21/08/1998	20	8.05	81.00	Giỏi	12,500,000
84	K164030425	Lê Thị Minh	Thương	K16403C	03/09/1997	17	7.88	84.00	Khá	6,250,000
85	K164030422	Lý Công	Thành	K16403C	29/05/1998	20	7.85	77.00	Khá	3,125,000
86	K164040629	Đặng Ngọc Phương	Thảo	K16404C	23/04/1998	20	8.85	85.00	Giỏi	12,500,000
87	K164040627	Phạm Nguyễn Thiên	Thanh	K16404C	13/08/1998	23	8.5	85.00	Giỏi	6,250,000
88	K164040625	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	K16404C	05/01/1997	20	8.38	89.00	Giỏi	6,250,000
89	K164042221	LÊ TRẦN NGỌC	MINH	K16404C	26/01/1998	20	8.38	86.00	Giỏi	6,250,000
90	K164040626	Huỳnh Nguyễn Minh	Thanh	K16404C	08/06/1998	17	8.35	85.00	Giỏi	6,250,000
91	K164040597	Đặng Quốc	Bảo	K16404C	26/09/1998	20	8.05	85.00	Giỏi	6,250,000
92	K164042210	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	K16404C	21/09/1998	20	7.9	93.00	Khá	3,125,000
93	K164042233	TRƯƠNG HUỲNH THÚY	VY	K16404C	23/10/1997	20	7.85	85.00	Khá	3,125,000
94	K164050757	Huỳnh Hoàng	Quyên	K16405C	18/10/1998	15	8.5	80.00	Giỏi	12,500,000
95	K164050761	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	K16405C	07/02/1998	15	8.1	76.00	Giỏi	6,250,000
96	K164050746	Lê Thị Thúy	Huyền	K16405C	10/01/1998	20	8.08	75.00	Giỏi	6,250,000
97	K164050741	Tôn Nữ Quỳnh	Anh	K16405C	13/10/1998	15	8	75.00	Giỏi	6,250,000



Alu

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
98	K164050744	Trần Đăng Quỳnh	Giang	K16405C	04/01/1998	20	7.93	95.00	Khá	3,125,000
99	K164052240	Đoàn Mai	Hương	K16405C	25/07/1998	15	7.8	85.00	Khá	3,125,000
100	K164060852	Bùi Thị Mai	Trang	K16406C	27/10/1997	23	7.98	81.00	Khá	6,250,000
101	K164060842	Vũ Trường	Hải	K16406C	01/01/1998	23	7.67	83.00	Khá	6,250,000
102	K164070956	Phạm Nguyễn Thụy	Anh	K16407C	04/10/1998	20	8.58	83.00	Giỏi	12,500,000
103	K164072365	NGUYỄN THỊ XUÂN	VÂN	K16407C	27/01/1998	20	8.08	92.00	Giỏi	6,250,000
104	K164071004	Nguyễn Phương	Tây	K16407C	16/02/1998	17	8	88.00	Giỏi	6,250,000
105	K164071016	Nguyễn Thị Lệ	Xuân	K16407C	09/03/1998	17	7.71	75.00	Khá	6,250,000
106	K164070964	Phan Nguyễn Hữu	Duyên	K16407C	10/05/1998	22	7.7	72.0	Khá	3,125,000
107	K164070999	Lê Thị Thúy	Quỳnh	K16407C	02/11/1997	15	7.6	92.00	Khá	3,125,000
108	K164070955	Lê Ngọc Lan	Anh	K16407C	27/05/1998	17	7.59	85.00	Khá	3,125,000
109	K164081152	Phan Mai Thanh	Ngân	K16408C	31/07/1998	20	8.73	80.00	Giỏi	12,500,000
110	K164081175	Trịnh Thị Đài	Trang	K16408C	03/10/1998	21	8.64	87.00	Giỏi	6,250,000
111	K164081131	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	K16408C	27/10/1998	17	8.5	85.00	Giỏi	6,250,000
112	K164081139	Đặng Thị	Kiều	K16408C	26/04/1998	21	8.43	96.00	Giỏi	6,250,000
113	K164081134	Nguyễn Hương	Huyền	K16408C	20/02/1998	18	8.33	90.00	Giỏi	6,250,000
114	K164081174	Lê Phạm Thùy	Tiên	K16408C	08/11/1998	23	8.3	96.00	Giỏi	3,125,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
115	K164081145	Đặng Diễm	My	K16408C	07/04/1998	20	8.28	93.00	Giỏi	3,125,000
116	K164081181	Phạm Thị Ngọc	Tú	K16408C	13/02/1998	20	8.25	91.00	Giỏi	3,125,000
117	K164081193	Bùi Thị Hồng	Hạnh	K16408CA	25/11/1998	18	9.28	85.00	Xuất sắc	19,500,000
118	K164081205	Trần Ngọc Anh	Minh	K16408CA	29/08/1998	18	9.17	93.00	Xuất sắc	9,750,000
119	K164081206	Lưu Hà	My	K16408CA	15/09/1998	18	8.78	85.00	Giỏi	4,875,000
120	K164082384	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	K16408CA	21/07/1998	18	8.56	84.00	Giỏi	4,875,000
121	K164081198	Hà Thị Thanh	Hương	K16408CA	12/01/1998	18	8.5	85.00	Giỏi	4,875,000
122	K164081192	Bùi Đức	Hải	K16408CA	25/11/1998	18	8.11	83.00	Giỏi	4,875,000
123	K164091311	Đinh Thị Minh	Anh	K16409C	12/04/1998	15	8.9	94.00	Giỏi	12,500,000
124	K164091363	Phạm Thị	Trà	K16409C	04/08/1998	20	8.85	100.00	Giỏi	6,250,000
125	K164091361	Cao Chánh	Tiến	K16409C	15/06/1998	15	8.6	92.00	Giỏi	6,250,000
126	K164091337	Trần Đăng	Khoa	K16409C	26/04/1998	20	8.58	95.00	Giỏi	6,250,000
127	K164091360	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K16409C	08/06/1998	20	8.35	91.00	Giỏi	3,125,000
128	K164091310	Bùi Lê Văn	Anh	K16409C	02/09/1998	20	8.33	95.00	Giỏi	3,125,000
129	K164101482	Lê Đình Bảo	Nhi	K16410C	20/01/1998	20	8	85.00	Giỏi	12,500,000
130	K164101481	Tăng Thái	Ngọc	K16410C	05/05/1998	20	7.58	75.00	Khá	6,250,000
131	K164101477	Nguyễn Tài	Lộc	K16410C	30/10/1998	15	7.4	85.00	Khá	6,250,000



Chữ ký

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT-VNĐ
132	K164101497	Dương Hoài Đắc	Vy	K16410C	23/05/1998	15	7.4	78.00	Khá	3,125,000
133	K164101472	Đặng Vũ Khánh	Huyền	K16410C	10/10/1998	15	7.4	75.00	Khá	3,125,000
134	K164101471	Phan Đình Ngọc	Hân	K16410C	26/04/1998	17	7.35	83.00	Khá	3,125,000
135	K165011689	Phan Mạnh	Hùng	K16501C	01/09/1998	20	8.83	89.00	Giỏi	12,500,000
136	K165012501	TRẦN THỊ QUỲNH	NGÂN	K16501C	05/09/1998	20	8.73	93.00	Giỏi	6,250,000
137	K165011715	Trần Thảo	Vi	K16501C	27/09/1998	14	8.36	83.00	Giỏi	6,250,000
138	K165011703	Lê Thị Mỹ	Sen	K16501C	01/07/1998	20	8.18	85.00	Giỏi	6,250,000
139	K165012505	LÊ DƯƠNG TRÚC	THỦY	K16501C	01/01/1998	14	8	84.00	Giỏi	6,250,000
140	K165011702	Phan Ngọc Kim	Sa	K16501C	23/01/1998	20	7.88	87.00	Khá	3,125,000
141	K165011699	Phạm Thị Hồng	Nhung	K16501C	30/08/1998	20	7.88	78.00	Khá	3,125,000
142	K165011682	Nguyễn Việt	Cường	K16501C	23/05/1998	14	7.79	90.00	Khá	3,125,000
143	K165021836	Nguyễn Lệ	Ngân	K16502C	20/05/1998	20	8.43	85.00	Giỏi	12,500,000
144	K165021852	Hoàng Nam	Trân	K16502C	13/07/1998	20	8.43	83.00	Giỏi	6,250,000
145	K165021831	Lữ Huỳnh Khánh	Linh	K16502C	22/05/1998	20	8.35	83.00	Giỏi	6,250,000
146	K165021811	Phạm Ngọc Quế	Anh	K16502C	30/08/1998	20	8.33	83.00	Giỏi	6,250,000
147	K165021840	Đoàn Hà Yến	Nhi	K16502C	05/06/1998	20	8.28	81.00	Giỏi	3,125,000
148	K165021835	Lê Thanh	Ngân	K16502C	04/04/1998	20	8.2	85.00	Giỏi	3,125,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT VND
149	K165022557	NGUYỄN THỊ HẢI	ANH	K16502C	24/01/1998	20	8.05	83.00	Giỏi	3,125,000
150	K165031965	Trần Thị Thu	Thảo	K16503C	28/06/1998	17	8.21	95.00	Giỏi	12,500,000
151	K165032674	Vũ Mai Diễm	Hằng	K16503C	20/08/1998	22	8.05	80.00	Giỏi	6,250,000
152	K165031968	Nguyễn Lưu Khánh	Trang	K16503C	04/08/1998	17	7.91	93.00	Khá	6,250,000
153	K165031970	Sỹ Ngọc Thùy	Trang	K16503C	10/12/1998	14	7.89	78.00	Khá	6,250,000
154	K165031960	Hồ Thị Kim	Ngân	K16503C	11/07/1998	17	7.85	85.00	Khá	3,125,000
155	K165031967	Bùi Thị Huyền	Trang	K16503C	23/07/1997	25	7.84	85.00	Khá	3,125,000
156	K165031962	Nguyễn Văn	Son	K16503C	02/08/1998	14	7.71	80.00	Khá	3,125,000
157	K174020190	Thái Ngọc Gia	Phúc	K17402C	28/07/1999	21	8.4	78.00	Giỏi	11,000,000
158	K174020200	Lê Đặng Phương	Uyên	K17402C	21/11/1999	21	8.38	82.00	Giỏi	5,500,000
159	K174020179	Doãn Hữu	Huỳnh	K17402C	08/02/1999	21	8.38	80.00	Giỏi	5,500,000
160	K174020177	Phạm Anh	Huy	K17402C	16/10/1999	21	8.24	78.00	Giỏi	5,500,000
161	K174020194	Nguyễn Phan Hoài	Thương	K17402C	25/08/1999	21	8.02	81.00	Giỏi	5,500,000
162	K174020192	Đào Thị Phương	Thảo	K17402C	17/02/1999	21	8	90.00	Giỏi	2,750,000
163	K174020204	Nguyễn Thị Tường	Vi	K17402C	14/08/1999	21	8	75.00	Giỏi	2,750,000
164	K174030299	Trần Đức	Trung	K17403C	31/08/1999	18	8.5	86.00	Giỏi	11,000,000
165	K174030281	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	K17403C	07/06/1999	18	8.06	83.00	Giỏi	5,500,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
166	K174030280	Trần Thị Hà	My	K17403C	14/08/1999	18	7.92	88.00	Khá	5,500,000
167	K174030291	Huỳnh Nguyễn Bảo	Quyên	K17403C	26/12/1999	18	7.92	71.00	Khá	5,500,000
168	K174030297	Trương Quế	Trân	K17403C	08/05/1999	18	7.58	95.00	Khá	2,750,000
169	K174030292	Phan Văn	Thái	K17403C	03/01/1998	18	7.5	73.00	Khá	2,750,000
170	K174030290	Trần	Quang	K17403C	19/10/1999	18	7.42	95.00	Khá	2,750,000
171	K174040466	Nguyễn Ngọc	Sương	K17404C	28/09/1999	18	8.42	85.00	Giỏi	11,000,000
172	K174040462	Vũ Hoàng	Phúc	K17404C	27/02/1999	18	8.19	93.00	Giỏi	5,500,000
173	K174040469	Đào Phương	Thảo	K17404C	11/06/1999	18	8.08	90.00	Giỏi	5,500,000
174	K174040463	Đinh Thị Mai	Phương	K17404C	03/04/1999	18	8.06	85.00	Giỏi	5,500,000
175	K174040450	Lữ Thị Như	Huỳnh	K17404C	13/02/1999	18	8.06	80.00	Giỏi	2,750,000
176	K174040457	Trần Thoại	My	K17404C	06/08/1999	18	7.92	79.00	Khá	2,750,000
177	K174040361	Hồ Anh	Minh	K17404C	01/06/1998	18	7.86	85.00	Khá	2,750,000
178	K174040493	Huỳnh Công	Trương	K17404CA	10/07/1999	14	8.57	80.00	Giỏi	19,500,000
179	K174040478	Nguyễn Ngân	Hà	K17404CA	01/03/1999	14	7.71	83.00	Khá	9,750,000
180	K174050580	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	K17405C	26/02/1999	18	8.53	95.00	Giỏi	11,000,000
181	K174050593	Bùi Thị Thủy	Trang	K17405C	06/12/1999	18	7.89	82.00	Khá	5,500,000
182	K174050586	Nhan Gia	Phú	K17405C	11/10/1999	18	7.83	93.00	Khá	5,500,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
183	K174050592	Nguyễn Lê Cẩm	Thi	K17405C	21/04/1999	18	7.61	88.00	Khá	5,500,000
184	K174050578	Huỳnh Ngọc Thảo	Ngân	K17405C	13/10/1999	18	7.56	82.00	Khá	5,500,000
185	K174050581	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	K17405C	06/03/1999	18	7.44	82.00	Khá	2,750,000
186	K174050560	Võ Ngọc Bích	An	K17405C	09/01/1999	18	7.28	94.00	Khá	2,750,000
187	K174050570	Nguyễn Thị Lan	Hương	K17405C	28/09/1999	18	7.19	75.00	Khá	2,750,000
188	K174050625	Nguyễn Thanh	Trúc	K17405CA	23/12/1999	14	8.93	72.00	Giỏi	19,500,000
189	K174050615	Trần Nguyên	Ngọc	K17405CA	09/09/1999	14	8.29	72.00	Giỏi	9,750,000
190	K175031683	Nguyễn Anh	Thy	K17405CA	27/07/1999	21	8.21	76.00	Giỏi	9,750,000
191	K174050607	Vũ Thị Kim	Hương	K17405CA	24/08/1999	14	8	95.00	Giỏi	4,875,000
192	K174050618	Huỳnh Yến	Nhi	K17405CA	16/02/1999	14	7.64	81.00	Khá	4,875,000
193	K174060704	Phạm Tuyết Quỳnh	Hương	K17406C	14/06/1999	22	8.07	78.00	Giỏi	11,000,000
194	K174060729	Lê Thị Thanh	Vân	K17406C	09/07/1999	22	7.93	85.00	Khá	5,500,000
195	K174060692	Ngô Bảo	Anh	K17406C	26/02/1999	22	7.73	77.00	Khá	5,500,000
196	K174060725	Võ Minh	Trí	K17406C	20/09/1999	22	7.57	73.00	Khá	5,500,000
197	K174060714	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K17406C	19/04/1999	22	7.5	85.00	Khá	5,500,000
198	K174060703	Nguyễn Thị	Hương	K17406C	19/05/1999	22	7.41	75.00	Khá	2,750,000
199	K174060711	Đặng Thái	Ngân	K17406C	30/05/1999	22	7.39	73.00	Khá	2,750,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT - VND
200	K174060730	Lê Nguyễn Thúy	Vy	K17406C	08/09/1999	22	7.3	73.00	Khá	2,750,000
201	K174070824	Đỗ Thị Ly	Đa	K17407C	06/05/1999	18	8.28	70.00	Giỏi	11,000,000
202	K174070856	Bùi Phạm Phụng	Vỹ	K17407C	14/08/1999	18	8.25	87.00	Giỏi	5,500,000
203	K174070842	Hoàng Trần Hải	Nhi	K17407C	01/01/1999	18	8.11	78.00	Giỏi	5,500,000
204	K174070822	Trần Ngọc	Cầu	K17407C	29/11/1999	18	7.86	85.00	Khá	5,500,000
205	K174070830	Nguyễn Phước	Hưng	K17407C	12/12/1999	18	7.86	85.00	Khá	2,750,000
206	K174070833	Huyết Anh	Kiệt	K17407C	28/01/1999	18	7.83	84.00	Khá	2,750,000
207	K174070839	Nguyễn Hoàng	Mai	K17407C	20/01/1999	18	7.83	77.00	Khá	2,750,000
208	K174070831	Nguyễn Văn	Khánh	K17407C	01/02/1998	18	7.69	75.00	Khá	2,750,000
209	K174080946	Trần Gia	Linh	K17408C	19/03/1999	21	8.48	85.00	Giỏi	11,000,000
210	K174080943	Trần Phạm Nguyên	Khoa	K17408C	05/11/1999	21	8.4	84.00	Giỏi	5,500,000
211	K174080953	Dương Trần Ngọc	Nhi	K17408C	30/03/1999	21	8.21	93.00	Giỏi	5,500,000
212	K174080955	Đỗ Hoàng	Phụng	K17408C	10/08/1999	21	8.19	82.00	Giỏi	5,500,000
213	K174080924	Nguyễn Được Ngọc	Trần	K17408C	25/07/1999	21	8.14	81.00	Giỏi	5,500,000
214	K174080932	Nguyễn Mai Lan	Anh	K17408C	05/01/1999	21	8.12	85.00	Giỏi	2,750,000
215	K174080938	Phạm Đỗ Thanh	Hải	K17408C	17/04/1999	21	8.12	83.00	Giỏi	2,750,000
216	K174080957	Nguyễn Hồng	Sơn	K17408C	10/07/1999	21	8.02	88.00	Giỏi	2,750,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
217	K174080947	Lê Thị Bích	Mai	K17408C	30/11/1999	21	8	82.00	Giỏi	2,750,000
218	K174080999	Huỳnh Yến	Nhi	K17408CA	11/09/1999	14	9	84.00	Xuất sắc	19,500,000
219	K174080976	Trần Mai	Anh	K17408CA	01/04/1999	14	8.93	85.00	Giỏi	9,750,000
220	K174080987	Lê Thành	Đạt	K17408CA	20/10/1999	14	8.71	88.00	Giỏi	9,750,000
221	K174081003	Võ Phúc Ái	Tâm	K17408CA	19/06/1999	14	8.71	85.00	Giỏi	9,750,000
222	K174080986	Châu Thành	Đạt	K17408CA	27/05/1999	14	8.71	74.00	Giỏi	9,750,000
223	K174081006	Nguyễn Thu	Thủy	K17408CA	08/08/1999	14	8.64	90.00	Giỏi	4,875,000
224	K174081001	Trần Như	Quỳnh	K17408CA	17/02/1999	14	8.64	81.00	Giỏi	4,875,000
225	K174091110	Phạm Hữu	Thiện	K17409C	05/04/1999	18	8.61	86.00	Giỏi	11,000,000
226	K174091119	Đặng Thị Mỹ	Uyên	K17409C	31/05/1999	18	8.22	81.00	Giỏi	5,500,000
227	K174091082	Trần Ngọc Mai	Anh	K17409C	16/11/1999	18	8.19	95.00	Giỏi	5,500,000
228	K174091099	Cù Tổng Hoài	Linh	K17409C	07/08/1999	18	8.19	93.00	Giỏi	5,500,000
229	K174091093	Trần Tử	Hồ	K17409C	11/05/1999	18	8.08	80.00	Giỏi	5,500,000
230	K174091090	Nguyễn Ngọc Minh	Hiếu	K17409C	04/11/1999	18	7.92	89.00	Khá	5,500,000
231	K174091108	Nguyễn Phan Bảo	Thi	K17409C	20/09/1999	18	7.86	87.00	Khá	2,750,000
232	K174091084	Lê Công	Đạt	K17409C	20/07/1999	18	7.83	97.00	Khá	2,750,000
233	K174101186	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	K17410C	20/05/1999	18	8.28	91.00	Giỏi	11,000,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
234	K174101183	Trần Thị Thuỷ	Dung	K17410C	05/06/1999	18	8.25	91.00	Giỏi	5,500,000
235	K174101221	Đinh Thị Hải	Yến	K17410C	20/03/1999	18	7.81	83.00	Khá	5,500,000
236	K174101201	Nguyễn Hồng	Phúc	K17410C	28/12/1999	18	7.61	83.00	Khá	5,500,000
237	K174101203	Nguyễn Thị Đông	Quỳnh	K17410C	29/11/1999	18	7.61	72.00	Khá	5,500,000
238	K174101182	Thái Thị Nguyên	Chi	K17410C	04/10/1999	18	7.56	95.00	Khá	2,750,000
239	K174101216	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	K17410C	23/12/1999	18	7.56	92.00	Khá	2,750,000
240	K174101208	Chu Thị	Thùy	K17410C	27/02/1999	18	7.47	85.00	Khá	2,750,000
241	K174111298	Trần Văn	Hải	K17411C	22/07/1999	22	8.11	87.00	Giỏi	11,000,000
242	K174111304	Nguyễn Thị Thảo	Lan	K17411C	26/08/1999	22	8.05	80.00	Giỏi	5,500,000
243	K174111293	Võ Nguyễn Tâm	An	K17411C	14/10/1999	22	7.93	82.00	Khá	5,500,000
244	K174111320	Trần Thị Mai	Trang	K17411C	02/06/1998	22	7.89	88.00	Khá	5,500,000
245	K174111294	Nguyễn Thành	Duy	K17411C	10/01/1999	22	7.84	83.00	Khá	5,500,000
246	K174111315	Vũ Thị Minh	Thu	K17411C	27/04/1999	22	7.82	86.00	Khá	2,750,000
247	K174060658	Nguyễn Thùy Yến	Nhi	K17411C	08/10/1999	22	7.8	90.00	Khá	2,750,000
248	K174111311	Nguyễn Anh	Nhật	K17411C	28/06/1999	22	7.77	83.00	Khá	2,750,000
249	K175011448	Nguyễn Mai Hoàng	Yến	K17501C	08/02/1999	16	8.72	88.00	Giỏi	11,000,000
250	K175011447	Trần Ngọc Song	Trúc	K17501C	27/01/1999	16	8.47	88.00	Giỏi	5,500,000

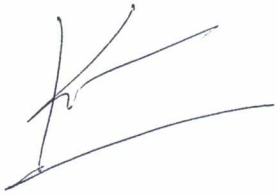
STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VNĐ
251	K175011420	Trần Thị Thùy	Dương	K17501C	17/05/1999	16	8.41	93.00	Giỏi	5,500,000
252	K175011414	Dương Lan	Anh	K17501C	10/07/1999	16	8.31	90.00	Giỏi	5,500,000
253	K175011419	Nguyễn Lê Thanh	Duyên	K17501C	31/10/1999	16	8.31	83.00	Giỏi	2,750,000
254	K175011435	Nguyễn Thị Kim	Oanh	K17501C	15/12/1999	16	8.19	90.00	Giỏi	2,750,000
255	K175021537	Nguyễn Hoàng Linh	Đan	K17502C	28/10/1999	16	8.69	84.00	Giỏi	11,000,000
256	K175021569	Phan Thị Thùy	Trang	K17502C	06/02/1998	16	8.31	100.00	Giỏi	5,500,000
257	K175021573	Nguyễn Ngọc Tuyết	Vân	K17502C	20/05/1999	16	8.16	86.00	Giỏi	5,500,000
258	K175021535	Trần Hoàng Phương	Dung	K17502C	21/04/1999	16	7.88	93.00	Khá	5,500,000
259	K175021556	Trần Nguyễn Thanh	Phương	K17502C	08/10/1999	16	7.88	83.00	Khá	5,500,000
260	K175021557	Phạm Như	Quỳnh	K17502C	21/01/1999	16	7.84	86.00	Khá	5,500,000
261	K175021548	Trang Đặng Hiếu	My	K17502C	12/08/1999	16	7.81	84.00	Khá	2,750,000
262	K175021559	Võ Nguyễn Lam	Quỳnh	K17502C	01/05/1999	16	7.72	71.00	Khá	2,750,000
263	K175021561	Tô Võ Yến	Tâm	K17502C	10/08/1999	16	7.59	86.00	Khá	2,750,000
264	K175031673	Phạm Ngọc Nhất	Phương	K17503C	17/09/1999	16	9.47	93.00	Xuất sắc	11,000,000
265	K175031667	Phạm Quang	Linh	K17503C	20/02/1999	16	9.03	74.00	Xuất sắc	5,500,000
266	K175031672	Trịnh Hoài	Phúc	K17503C	16/02/1998	16	8.31	95.00	Giỏi	5,500,000
267	K175031663	Trần Đình	Huy	K17503C	30/08/1999	16	7.91	94.00	Khá	5,500,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Ngày sinh	Số TC TL	ĐTB HK	ĐRL	Xếp Loại	Tiền Học Bổng ĐVT: VND
268	K175031653	Vũ Việt	Anh	K17503C	29/12/1999	16	7.84	95.00	Khá	5,500,000
269	K175031685	Hoàng Thế	Tiến	K17503C	22/11/1999	16	7.72	86.00	Khá	2,750,000
270	K175031686	Trần Thị Thủy	Trang	K17503C	20/10/1999	14	7.41	80.00	Khá	2,750,000
271	K175031678	Nguyễn Trần Phương	Thảo	K17503C	19/04/1999	16	7.13	74.00	Khá	2,750,000

Tổng Cộng 1,657,250,000

Số tiền bằng chữ: Một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng.

Người lập bảng



Lê Kim Vũ

Trưởng P.CTSV



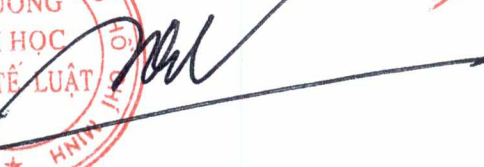
Võ Văn Trọng

Trưởng P.KHTC



Nguyễn Đình Hưng

Hiệu trưởng

Nguyễn Tiên Dung